

LUẬN CHỨNG SỰ PHÂN A TỶ ĐÀM QUYỂN 9

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, Phần 2

Hỏi: Bốn niệm xứ là những gì?

Đáp: Là Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, Pháp niệm xứ.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu sắc, bao nhiêu không phải sắc?

Đáp: Một thứ là sắc, ba thứ không phải sắc.

Ba thứ không thể thấy, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Có thể thấy là sao? Là một nhập. Không thể thấy là sao? Là chín nhập và phần ít của một nhập.

Ba thứ không đối, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc có đối, hoặc không đối. Có đối là sao? Là mười nhập. Không đối là sao? Là phần ít của một nhập.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Hữu lậu là sao? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Vô lậu là sao? Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hữu lậu là sao? Là ý hữu lậu, tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Vô lậu là sao? Là ý vô lậu, tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hữu lậu là sao? Là tưởng ấm-hành ấm hữu lậu. Vô lậu là sao? Là tưởng ấm-hành ấm vô lậu và vô vi.

Ba hữu vi, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Hữu vi là sao? Là tưởng ấm-hành ấm. Vô vi là sao? Là hư không

số diệt, phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu hữu báo, bao nhiêu vô báo?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là hữu báo hoặc là vô báo. Hữu báo là sao? Là bất thiện và thiện hữu lậu của thân niệm xứ. Vô báo là sao? Là thân niệm xứ vô ký, vô lậu.

Như thân niệm xứ; thọ - tâm - pháp niệm xứ cũng vậy.

Ba thứ từ nhân duyên sinh thuộc đời sống này, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là hữu vi thì từ nhân duyên sinh thuộc đời sống này. Nếu là vô vi thì không phải từ nhân duyên sinh, không phải đời sống này.

Một thuộc về sắc, ba thuộc về danh.

Một thuộc về nội nhập, ba thuộc về ngoại nhập, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc thuộc về nội nhập, hoặc thuộc về ngoại nhập. Thuộc về nội nhập là sao? Là năm nội nhập. Thuộc về ngoại nhập là sao? Là năm ngoại nhập và phần ít của một ngoại nhập.

Hết thấy là trí biết. Nếu là hữu lậu thì đoạn trí biết và đoạn. Nếu là vô lậu thì không phải đoạn trí biết và không đoạn.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu điều nên tu, bao nhiêu điều không nên tu?

Đáp: Hết thấy cần phân biệt.

Thân niệm xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Nên tu là sao? Là thân niệm xứ thiện. Không nên tu là sao? Là thân niệm xứ bất thiện, vô ký.

Như thân niệm xứ; thọ - tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Nên tu là sao? Là pháp niệm xứ thiện, hữu vi. Không nên tu là sao? Là pháp niệm xứ bất thiện - vô ký, và hư không số diệt, phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu ô uế, bao nhiêu không ô uế?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc ô uế, hoặc không ô uế. Ô uế là sao? Là chìm mất. Không ô uế là sao? Là không chìm mất.

Như thân niệm xứ; thọ - tâm - pháp niệm xứ cũng vậy.

Ba là quả cùng có quả, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc là quả, hoặc không có quả, có ba trường hợp: Quả nhưng không có quả, là số diệt. Quả cũng có quả, là pháp niệm xứ hữu vi. Không phải quả cũng không phải là có quả, là hư không và phi số diệt.

Ba bất thọ, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc thọ, hoặc

bất thọ. Thọ là tự tánh nội nhập thọ nhận. Bất thọ là không phải tự tánh thọ nhận.

Ba không phải là bốn đại tạo, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là bốn đại tạo, hoặc không phải là bốn đại tạo. Bốn đại tạo là chín nhập và phần ít của hai nhập. Không phải bốn đại tạo là phần ít của một nhập.

Ba có cái trên nó, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc có cái trên nó, hoặc không có cái trên nó. Có cái trên nó là tướng ấm-hành ấm-hư không-phi số diệt. Không có cái trên nó (vô thượng) là số diệt.

Nếu là hữu lậu thì có. Nếu là vô lậu thì không có.

Một nhân không tương ứng, hai nhân tương ứng, một phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là nhân của tâm pháp thì tương ứng, nếu không phải nhân của tâm pháp thì không tương ứng.

Phần ít của lĩnh vực thiện gồm thấu phần ít của bốn niệm xứ. Phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực thiện.

Phần ít của lĩnh vực bất thiện gồm thấu phần ít của bốn niệm xứ.

Phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực bất thiện.

Phần ít của lĩnh vực vô ký gồm thấu phần ít của bốn niệm xứ.

Phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực vô ký.

Phần ít của lĩnh vực lậu gồm thấu phần ít của một niệm xứ. Phần ít của một niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực lậu.

Phần ít của lĩnh vực hữu lậu gồm thấu phần ít của bốn niệm xứ.

Phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực hữu lậu.

Phần ít của lĩnh vực vô lậu gồm thấu phần ít của bốn niệm xứ.

Phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thấu phần ít của lĩnh vực vô lậu.

Ba thứ hoặc quá khứ- hiện tại hay vị lai, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ, nếu là hữu vi thì hoặc quá khứ, vị lai hay hiện tại; nếu là vô vi thì không phải quá khứ - vị lai hay hiện tại.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp: Hết cả cần phân biệt.

Thân niệm xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thiện là phần ít của ba nhập. Bất thiện là phần ít của ba nhập. Vô ký là tám nhập và phần ít của ba nhập.

Thọ niệm xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thiện là ý thiện tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Bất thiện là ý bất thiện tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Vô ký là ý vô ký tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thiện là tướng ấm-hành ấm thiện và số diệt. Bất thiện là tướng ấm-hành ấm bất thiện. Vô ký là tướng ấm-hành ấm vô ký, hư không-phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ thuộc bao nhiêu cõi?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không thuộc cõi nào. Thuộc cõi Dục là sao? Là hai nhập và phần ít của chín nhập. Thuộc cõi Sắc là sao? Là phần ít của chín nhập. Không thuộc cõi nào là sao? Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không thuộc cõi nào. Thuộc cõi Dục là sao? Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Dục. Thuộc cõi Sắc là sao? Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Sắc. Thuộc cõi Vô sắc là sao? Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Vô sắc. Không thuộc cõi nào là sao? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không thuộc vào đâu. Thuộc cõi Dục là sao? Là tướng ấm-hành ấm thuộc cõi Dục. Thuộc cõi Sắc là sao? Là tướng ấm-hành ấm thuộc cõi Sắc. Thuộc cõi Vô sắc là sao? Là tướng ấm-hành ấm thuộc cõi Vô sắc. Không thuộc vào đâu là sao? Là tướng ấm-hành ấm vô lậu và vô vi.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu học, bao nhiêu vô học, bao nhiêu phi học phi vô học?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học. Học là phần ít của lĩnh vực một nhập. Vô học là phần ít của lĩnh vực một nhập. Phi học phi vô học là mười nhập và phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học. Học là ý học tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Vô học là ý vô học tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Phi học phi vô học là ý hữu lậu tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học. Học là tướng ấm-hành ấm học. Vô học là tướng ấm-hành ấm vô học. Phi học phi vô học là tướng ấm-hành ấm hữu lậu và vô vi.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu kiến đoạn, bao nhiêu tu đoạn, bao

nhiều không đoạn?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Tu đoạn là mười nhập, và phần ít của một nhập. Không đoạn là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Kiến đoạn là thọ niệm xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhẫn vô gián cùng đoạn. Đoạn thế nào? Là bậc kiến đoạn tám mươi tám sử tương ứng với thọ niệm xứ. Tu đoạn là thọ niệm xứ học kiến tích, tu đoạn. Đoạn cái gì? Là tu đoạn mười sử tương ứng với thọ niệm xứ, và thọ niệm xứ hữu lậu không ô uế. Không đoạn là thọ niệm xứ vô lậu.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Kiến đoạn là pháp niệm xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhẫn vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ cái gì? Là bậc kiến đoạn tám mươi tám sử do chúng tương ứng với pháp niệm xứ, nên khởi tâm bất tương ứng hành. Tu đoạn là pháp niệm xứ nơi người học thấy dấu vết, tu đoạn. Đoạn cái gì? Là đoạn mười sử tương ứng với pháp niệm xứ, khởi thân khẩu nghiệp, khởi tâm bất tương ứng hành, là pháp niệm xứ hữu lậu không ô uế. Không đoạn là pháp niệm xứ vô lậu.

Một không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng. Một tâm pháp - tâm tương ứng. Một duy tâm. Một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ, nếu có duyên hợp thì là tâm pháp và tâm tương ứng; nếu không có duyên hợp thì không phải tâm- không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng.

Một tâm tùy chuyển không phải là thọ tương ứng, một thọ tương ứng nhưng không phải là tâm tùy chuyển, hai cần phân biệt: Thân niệm xứ thì hoặc là tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, hoặc không phải là tâm tùy chuyển mà cũng không phải tương ứng với thọ. Tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng. Ngoài ra, không phải là tâm tùy chuyển, cũng không phải tương ứng với thọ.

Pháp niệm xứ thì hoặc là tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, có ba trường hợp: Tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, là tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành. Tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ, là tưởng ấm tương ứng với hành ấm. Không phải tâm tùy chuyển cũng không tương ứng với thọ, là trừ ra ra tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Như thọ; tưởng - hành cũng vậy. Trừ ra tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu giác tùy chuyển không tương ứng với quán?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, hoặc không phải là giác tùy chuyển mà cũng không tương ứng với quán. Giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng. Ngoài ra không phải là giác tùy chuyển mà cũng không tương ứng với quán.

Thọ niệm xứ hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Có giác có quán là gì? Là ý có giác có quán, tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Không giác có quán là gì? Là ý không giác có quán, tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Không giác không quán là gì? Là ý không giác không quán, tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, có bốn trường hợp:

1. Giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, là giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, và giác tương ứng với quán.

2. Quán tương ứng nhưng không phải là giác tùy chuyển, là giác. Như giác không tương ứng với quán mà tương ứng với tâm - tâm pháp nơi pháp niệm xứ.

3. Giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán, là giác quán tương ứng với tâm và tâm pháp nơi pháp niệm xứ.

4. Không phải là giác tùy chuyển mà cũng không tương ứng với quán, là trừ ra ra giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, là tâm bất tương ứng hành còn lại cùng giác không tương ứng với quán, và không phải giác quán tương ứng với tâm - tâm pháp nơi pháp niệm xứ và vô vi.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu kiến phi kiến xứ?

Đáp: Hết thấy cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là kiến xứ phi kiến, có ba trường hợp:

1. Kiến xứ chẳng phải là kiến, là chín nhập và phần ít của một nhập.

2. Kiến cũng là kiến xứ, là một nhập.

3. Không phải kiến cũng không phải là kiến xứ là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ, nếu là hữu lậu thì kiến xứ ấy là phi kiến. Nếu là vô

lậu thì là phi kiến cũng là phi kiến xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là kiến không phải kiến xứ, có bốn trường hợp:

1. Kiến nhưng không phải kiến xứ, là tận trí - vô sinh trí không thấu nhận tuệ vô lậu.

2. Kiến xứ không phải kiến, là kiến không thấu nhận pháp niệm xứ hữu lậu.

3. Kiến cũng là kiến xứ, là năm kiến thuộc chánh kiến thế tục.

4. Không phải kiến cũng không phải kiến xứ, là kiến không thấu nhận pháp niệm xứ vô lậu.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu nhân là thân kiến, bao nhiêu nhân không phải là thân kiến.

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ, nếu ô uế thì thân kiến là nhân của nó, chứ ô uế không phải là nhân của thân kiến. Nếu không ô uế, thì thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thọ niệm xứ, hoặc thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến, là trừ ra ra kiến khổ đoạn sử tương ứng với thọ niệm xứ ở quá khứ - hiện tại. Trừ ra kiến tập đoạn sử trùm khắp cả tương ứng với thọ niệm xứ ở quá khứ - hiện tại. Trừ ra thân kiến tương ứng với thọ niệm xứ ở vị lai. Trừ ra thân kiến sinh trụ dị diệt và sự tương ứng của nó với sinh trụ dị diệt. Còn lại là những thọ niệm xứ ô uế.

Thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến, là những pháp như vậy, trước đã trừ ra rồi.

Thân kiến không phải nhân của nó, nó cũng không phải nhân của thân kiến, là thọ niệm xứ không ô uế.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ, hoặc thân kiến là nhân của nó, nhưng nó không phải là nhân của thân kiến, có ba trường hợp: Thân kiến là nhân của nó, nhưng nó không phải là nhân của thân kiến, là trừ ra ra kiến khổ đoạn sử tương ứng với pháp niệm xứ ở quá khứ-hiện tại. Trừ ra kiến tập đoạn sử trùm khắp cả tương ứng với pháp niệm xứ ở quá khứ-hiện tại. Trừ ra thân kiến tương ứng với pháp niệm xứ ở vị lai. Trừ ra thân kiến sinh

trụ dị diệt và sự tương ứng của nó với sinh trụ dị diệt. Còn lại là những pháp niệm xứ ô ược.

Thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến là những pháp như vậy, trước đã trừ ra rồi.

Là thân kiến nhưng không phải nhân của nó, nó cũng không phải nhân của thân kiến, là pháp niệm xứ không ô ược.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu nghiệp nhưng không phải là nghiệp báo?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ, hoặc là nghiệp nhưng không phải nghiệp báo, có ba trường hợp:

1. Nghiệp nhưng không phải nghiệp báo, là nghiệp thân-miệng.
2. Nghiệp báo nhưng không phải nghiệp, là thân niệm xứ sinh báo.
3. Không phải nghiệp cũng không phải là nghiệp báo, là trừ ra ra nghiệp và nghiệp báo nơi thân niệm xứ, là thân niệm xứ còn lại.

Thọ niệm xứ, hoặc là nghiệp báo nhưng không phải là nghiệp, hay là không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo. Nghiệp báo nhưng không phải nghiệp, là thọ niệm xứ báo sinh. Còn lại không phải nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là nghiệp nhưng không phải nghiệp báo, có bốn trường hợp:

1. Là nghiệp nhưng không phải là nghiệp báo, là báo không tiếp nhận nghiệp tư (nghiệp ý).
2. Nghiệp báo nhưng không phải là nghiệp, là tư không tiếp nhận báo sinh nơi pháp niệm xứ.
3. Nghiệp cũng là nghiệp báo, là nghiệp tư của báo sinh.
4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo, là trừ ra ra nghiệp và nghiệp báo nơi pháp niệm xứ, là pháp niệm xứ còn lại.

Hai thứ là nghiệp tùy chuyển chứ không phải nghiệp, hai thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nghiệp nhưng không phải là nghiệp tùy chuyển, có ba trường hợp:

1. Nghiệp nhưng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra ra nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, là nghiệp thân-miệng còn lại.
2. Nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng.
3. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ

ra ra không phải nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng và nghiệp tùy chuyển nơi thân niệm xứ, là thân niệm xứ còn lại.

Pháp niệm xứ hoặc là nghiệp nhưng không phải là nghiệp tùy chuyển, có ba trường hợp:

1. Nghiệp nhưng không phải nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tư.
2. Nghiệp tùy chuyển nhưng không phải nghiệp, là tưởng ấm; tư không tiếp nhận nghiệp tùy chuyển nơi hành ấm.
3. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra ra nghiệp và nghiệp tùy chuyển nơi pháp niệm xứ, là pháp niệm xứ còn lại.

Ba thứ không phải sắc tạo sắc và không phải là sắc có thể trông thấy, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là sắc tạo sắc mà không phải là sắc có thể thấy, có ba trường hợp: Sắc tạo sắc không phải là sắc có thể trông thấy, là tám nhập và phần ít của hai nhập. Sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy, là một nhập. Không phải sắc tạo sắc mà cũng không phải là sắc có thể trông thấy, là phần ít của một nhập.

Ba thứ không phải sắc tạo sắc và không phải là sắc có đối, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là sắc tạo sắc mà không phải là sắc có đối, có ba trường hợp: Sắc tạo sắc mà không phải là sắc có đối, là phần ít của một nhập. Sắc có đối, không phải là sắc tạo sắc, là phần ít của một nhập. Sắc tạo sắc cũng là sắc có đối, là chín nhập và phần ít của một nhập.

Hết thấy đều rất sâu xa khó hiểu. Rất khó hiểu vì sâu xa.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu nhân thiện mà không phải thiện?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là nhân thiện chứ không phải là thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân thiện nhưng không phải thiện, là thiện báo sinh nơi thân niệm xứ.
2. Thiện cũng là nhân thiện, là thân niệm xứ thiện.
3. Không phải thiện mà cũng không phải nhân thiện, là trừ ra ra thiện báo sinh nơi thân niệm xứ, như còn lại vô ký và thân niệm xứ bất thiện.

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là thiện nhưng không phải là nhân thiện, có bốn trường hợp:

1. Thiện nhưng không phải nhân thiện, là số diệt.
2. Nhân thiện mà không phải thiện, là thiện báo sinh nơi pháp

niệm xứ.

3. Thiện cũng là nhân thiện là thiện hữu vi nơi pháp niệm xứ.

4. Không phải thiện cũng không phải nhân thiện, là trừ ra thiện báo, sinh nơi pháp niệm xứ, là còn lại vô ký và pháp niệm xứ bất thiện.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu bất thiện- nhân bất thiện?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là nhân bất thiện chứ không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo bất thiện sinh nơi thân niệm xứ.

2. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là thân niệm xứ bất thiện.

3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là trừ ra báo bất thiện sinh nơi thân niệm xứ, là còn lại vô ký và thân niệm xứ thiện.

Thọ niệm xứ hoặc là nhân bất thiện chứ không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo bất thiện sinh nơi thọ niệm xứ, và thân kiến - biên kiến tương ứng với thọ niệm xứ cõi Dục.

2. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là thọ niệm xứ bất thiện.

3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là trừ ra báo bất thiện sinh nơi thọ niệm xứ, và trừ ra thân kiến - biên kiến tương ứng với thọ niệm xứ cõi Dục, là còn lại vô ký và thọ niệm xứ thiện.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo bất thiện sinh nơi pháp niệm xứ, và thân kiến - biên kiến tương ứng với pháp niệm xứ cõi Dục.

2. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là pháp niệm xứ bất thiện.

3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là trừ ra báo bất thiện sinh nơi pháp niệm xứ và trừ ra thân kiến - biên kiến tương ứng với pháp niệm xứ cõi Dục, là còn lại vô ký và pháp niệm xứ thiện.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu vô ký mà không phải nhân vô ký?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ hoặc là nhân vô ký nhưng không phải vô ký, có ba trường hợp:

1. Nhân vô ký nhưng không phải vô ký, là thân niệm xứ bất thiện.
2. Vô ký cũng là nhân vô ký, là thân niệm xứ vô ký.
3. Không phải vô ký cũng không phải nhân vô ký, là thân niệm xứ thiện.

Như thân niệm xứ; thọ - tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là vô ký nhưng không phải nhân vô ký, có bốn trường hợp: 1. Vô ký nhưng không phải nhân vô ký, là hư không - phi số diệt. 2. Nhân vô ký nhưng không phải vô ký là pháp niệm xứ bất thiện. 3. Vô ký cũng là nhân vô ký, là pháp niệm xứ hữu vi vô ký. 4. Không phải là vô ký, cũng không phải là nhân vô ký là pháp niệm xứ thiện.

Ba thứ là nhân duyên duyên hợp và có nhân, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ, nếu là hữu vi thì nó duyên nơi nhân duyên và có nhân. Nếu là vô vi thì không duyên nơi nhân duyên và không có nhân.

Một thứ không phải là thứ đệ mà cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, ba thứ cần phân biệt: Thọ niệm xứ hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là thọ niệm xứ cần phải khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, là thọ niệm xứ nơi thọ mạng tối hậu của A-la-hán quá khứ-hiện tại.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra ra mạng sống tối hậu của A-la-hán về thọ niệm xứ ở quá khứ-hiện tại. Còn lại là thọ niệm xứ ở quá khứ và hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra thọ niệm xứ cần phải khởi ở hiện tiền hoặc vị lai. Còn lại là thọ niệm xứ vị lai.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là pháp niệm xứ của tâm pháp cần phải khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, là pháp niệm xứ của tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của A-la-hán ở quá khứ và hiện tại, và chánh thọ vô tướng- chánh thọ diệt tận, đã khởi, đang khởi.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra pháp niệm xứ của tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của A-la-hán ở quá khứ-hiện tại.

Còn lại là pháp niệm xứ của tâm pháp ở quá khứ và hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra pháp niệm xứ của tâm pháp cần phải khởi ở hiện tiền hoặc vị lai. Còn lại là pháp niệm xứ của tâm pháp ở vị lai, trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ứng hành. Còn lại là tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Một là duyên duyên của duyên hợp không có duyên. Hai là duyên của duyên duyên hợp và pháp niệm xứ có duyên. Nếu là tâm pháp thì duyên nơi duyên duyên và có duyên. Nếu không phải tâm pháp duyên nơi duyên duyên thì không có duyên.

Ba thứ là tăng thượng duyên duyên hợp và có tăng thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ, nếu là hữu vi thì nó là tăng thượng duyên duyên hợp và có tăng thượng; nếu là vô vi thì nó là tăng thượng duyên duyên hợp mà không có tăng thượng.

Hỏi: Bốn niệm xứ có bao nhiêu lưu, bao nhiêu tùy lưu?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Thân niệm xứ, nếu là hữu lậu thì nó là tùy lưu chứ không phải lưu. Nếu là vô lậu thì nó không phải lưu mà cũng không phải tùy lưu.

Như thân niệm xứ; thọ- tâm niệm xứ cũng vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là tùy lưu nhưng không phải lưu, có ba trường hợp:

1. Tùy lưu nhưng không phải lưu, là lưu không gồm thân pháp niệm xứ hữu lậu.

2. Lưu cũng là tùy lưu, là bốn lưu. 3. Không phải lưu cũng không phải tùy lưu, là pháp niệm xứ vô lậu.

Đế là bốn Thánh đế: Là những gì? Là Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế.

Hỏi: Bốn Thánh đế này có bao nhiêu sắc, bao nhiêu không phải sắc?

Đáp: Một không phải sắc, ba cần phân biệt:

Khổ đế hoặc là sắc, hoặc không phải sắc. Sắc là gì? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Không phải sắc là gì? Là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng là sắc, ngoài ra thì không phải sắc.

Hai thứ không thể thấy, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Có thể thấy là sao? Là một nhập. Không thể thấy là sao? Là mười một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai thứ là không đối, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc có đối, hoặc không có đối. Có đối là sao? Là mười nhập. Không đối là hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai hữu lậu, hai vô lậu. Ba hữu vi, một vô vi.

Hai vô báo, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc có báo, hoặc vô báo. Có báo là khổ đế thiện - bất thiện. Vô báo là khổ đế vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Ba thứ từ nhân duyên sinh thuộc về cõi đời này, một không từ nhân duyên sinh không thuộc về cõi đời này.

Một thứ thuộc về danh, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc về sắc, hoặc thuộc về danh. Thuộc về sắc là mười nhập và phần ít của một nhập. Thuộc về danh là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Một thứ là thuộc về ngoại nhập, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc về nội nhập, hoặc thuộc về ngoại nhập. Nội nhập là sáu nội nhập. Ngoại nhập là sáu ngoại nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận tâm ý thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là ngoại nhập.

Hết thấy là trí biết. Hai đoạn tri biết và đoạn, hai không phải đoạn tri biết và không đoạn.

Một nên tu, một không nên tu, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nên tu, hoặc là không nên tu. Nên tu là khổ đế thiện. Không nên tu là khổ đế bất thiện - vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai thứ không ô uế, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là ô uế, hoặc là không ô uế. Ô uế là chìm mất. Không ô uế là không chìm mất.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Một thứ là quả không phải có quả, ba thứ là quả và có quả.

Hai thứ là không thọ, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc thọ hoặc không thọ. Thọ là tự tánh thọ nhận. Không thọ là không phải tự tánh thọ nhận.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Một thứ không phải là bốn đại tạo, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là do bốn đại tạo, hoặc không phải là bốn đại tạo. Bốn đại tạo là chín

nhập và phần ít của hai nhập. Không phải bốn đại tạo là một nhập và phần ít của hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân-miệng là bốn đại tạo, còn lại thì không phải là bốn đại tạo.

Ba thứ có cái trên nó, một không có cái trên nó.

Hai thứ là có, hai thứ không phải là có.

Một thứ là nhân không tương ứng, ba cần phân biệt: Khổ đế gồm thân sắc - tâm bất tương ứng hành, là nhân không tương ứng. Còn lại là nhân tương ứng.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng, tâm bất tương ứng hành, là nhân không tương ứng, ngoài ra là nhân tương ứng.

Lĩnh vực thiện gồm thân hai đế và phần ít của hai đế. Hai đế và phần ít của hai đế cũng gồm thân lĩnh vực thiện.

Lĩnh vực bất thiện tiếp nhận phần ít của hai đế. Phần ít của hai đế cũng tiếp nhận lĩnh vực bất thiện.

Lĩnh vực vô ký hoặc là tiếp nhận mà không phải đế, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực vô ký tiếp nhận mà không phải đế, là hư không-phi số diệt.

2. Đế tiếp nhận mà không phải lĩnh vực vô ký, là hai đế và phần ít của hai đế.

3. Lĩnh vực vô ký tiếp nhận cũng là đế là phần ít của hai đế.

4. Không phải lĩnh vực vô ký tiếp nhận mà cũng không phải đế, là việc không thể có được.

Lĩnh vực lậu tiếp nhận phần ít của hai đế. Phần ít của hai đế cũng tiếp nhận lĩnh vực lậu.

Lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận hai đế, hai đế cũng tiếp nhận lĩnh vực hữu lậu.

Lĩnh vực vô lậu hoặc tiếp nhận mà không phải đế, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực vô lậu tiếp nhận mà không phải đế, là hư không-phi số diệt.

2. Đế tiếp nhận mà không phải lĩnh vực vô lậu, là hai đế.

3. Lĩnh vực vô lậu tiếp nhận cũng là đế là hai đế.

4. Không phải lĩnh vực vô lậu tiếp nhận mà cũng không phải là đế, là việc không thể có.

Ba thứ hoặc quá khứ - vị lai hay hiện tại, một không phải quá khứ - không phải vị lai - không phải hiện tại.

Hai thứ là thiện, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thiện là khổ đế tiếp nhận năm ấm thiện. Bất thiện là khổ đế tiếp nhận năm ấm bất thiện. Vô ký là khổ đế tiếp nhận năm ấm vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai thứ không thuộc về, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc về cõi Dục, hoặc thuộc về cõi Sắc, hoặc thuộc về cõi Vô sắc. Thuộc về cõi Dục là sao? Là khổ đế tiếp nhận năm ấm thuộc về cõi Dục. Thuộc về cõi Sắc là sao? Là khổ đế tiếp nhận năm ấm thuộc về cõi Sắc. Thuộc về cõi Vô sắc là sao? Là khổ đế tiếp nhận bốn ấm thuộc về cõi Vô sắc.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Ba thứ là phi học phi vô học, một thứ cần phân biệt: Đạo đế hoặc là học, hoặc là vô học. Học là năm ấm học. Vô học là năm ấm vô học.

Hai thứ không đoạn, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là kiến đoạn, hoặc là tu đoạn. Kiến đoạn là gì? Là như pháp đoạn khổ đế không gián đoạn, rất kiên trì của người tùy tín hành, tùy pháp hành. Họ đoạn trừ cái gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử, chúng tương ứng với khổ đế, khởi tâm bất tương ứng hành. Tu đoạn là gì? Là khổ đế học thấy dấu đạo tu đoạn. Họ đoạn trừ cái gì? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ứng với khổ đế, chúng khởi nghiệp thân-miệng, khởi tâm bất tương ứng hành, và khổ đế không ô uế.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Một thứ không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng. Ba cần phân biệt: Khổ đế tiếp nhận sắc - tâm bất tương ứng hành, không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng với thọ ấm - tưởng ấm, nó tương ứng với hành ấm. Tâm pháp và tâm tương ứng với tâm ý thức tức là tâm.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân - miệng, tâm bất tương ứng hành, không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng với thọ ấm - tưởng ấm, nó tương ứng với hành ấm. Tâm pháp và tâm tương ứng với tâm ý thức tức là tâm.

Một thứ không phải tâm tùy chuyển, không phải thọ tương ứng. Ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, có bốn trường hợp:

1. Tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, là tâm tùy

chuyển nơi nghiệp thân-miệng, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và thọ.

2. Tương ứng với thọ nhưng không phải tâm tùy chuyển, là tâm ý thức.

3. Tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ là tưởng ấm, nó tương ứng với hành ấm.

4. Không phải tâm tùy chuyển cũng không phải tương ứng với thọ, là trừ ra tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, là còn lại sắc. Trừ ra tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, là còn lại tâm bất tương ứng hành.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế hoặc là tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, có bốn trường hợp:

1. Tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và thọ.

2. Tương ứng với thọ nhưng không phải tâm tùy chuyển, là tâm ý thức.

3. Tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ, là tưởng ấm, nó tương ứng với hành ấm.

4. Không phải tâm tùy chuyển cũng không tương ứng với thọ, là trừ ra tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, là còn lại tâm bất tương ứng hành.

Như thọ; tưởng- hành cũng vậy. Trừ ra tự tánh của nó.

Một thứ không phải giác tùy chuyển không tương ứng với quán, ba cần phân biệt: Khổ đế, hoặc là giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, có bốn trường hợp:

1. Giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và giác tương ứng với quán.

2. Quán tương ứng nhưng không phải giác tùy chuyển, là giác, như giác không tương ứng với quán, nó tương ứng với tâm và tâm pháp của khổ đế.

3. Giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán, là giác - quán tương ứng với tâm - tâm pháp của khổ đế.

4. Không phải giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán, là trừ ra giác tùy chuyển nơi nghiệp thân - miệng, còn lại là sắc. Trừ ra giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương

ưng hành, và giác không tương ứng với quán, và không phải là giác quán tương ứng với tâm - tâm pháp của khổ đế.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế, hoặc là giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, có bốn trường hợp:

1. Giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và giác tương ứng với quán.

2. Quán tương ứng nhưng không phải giác tùy chuyển, là giác, như giác không tương ứng với quán, nó tương ứng với tâm-tâm pháp.

3. Giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán là giác quán tương ứng với tâm-tâm pháp.

4. Không phải giác tùy chuyển cũng không phải tương ứng với quán, là trừ ra giác tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, còn lại là nghiệp thân-miệng. Trừ ra giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương ứng hành và giác không tương ứng với quán, và không phải giác - quán tương ứng với tâm-tâm pháp.

Một thứ không phải kiến cũng không phải kiến xứ. Ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là kiến cũng là kiến xứ, hoặc là kiến xứ mà không phải kiến. Kiến cũng là kiến xứ, là nhân căn và năm kiến thuộc chánh kiến thế tục. Trừ ra kiến xứ không phải kiến.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận tận trí - vô sinh trí mà không tiếp nhận tuệ vô lậu. Đây là kiến chứ không phải kiến xứ. Ngoài ra là không phải kiến cũng không phải kiến xứ.

Hai thứ là thân kiến không phải làm nhân cho nó, nó cũng không làm nhân cho thân kiến. Hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc thân kiến là nhân của nó, nó không phải làm nhân cho thân kiến. Hoặc thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến, là trừ ra kiến khổ, kiến tập đoạn trừ, sử bao trùm hết thấy tương ứng với khổ đế ở quá khứ-hiện tại. Trừ ra thân kiến tương ứng với khổ đế ở vị lai. Trừ ra thân kiến sinh trụ dị diệt và sự tương ứng của nó với sinh trụ dị diệt. Còn lại là các khổ đế ô uế.

Thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến, là những pháp mà trước đã trừ ra rồi.

Thân kiến này không phải nhân của nó, nó cũng không phải là

nhân của thân kiến là khổ đế không ô uế.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Một thứ không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nghiệp mà không phải nghiệp báo, có bốn trường hợp:

1. Nghiệp chứ không phải nghiệp báo, là nghiệp thân-miệng, và báo không tiếp nhận nghiệp tư.

2. Nghiệp báo chứ không phải là nghiệp, là như tư không tiếp nhận báo sinh nơi khổ đế.

3. Nghiệp cũng là nghiệp báo, là báo sinh nơi nghiệp tư.

4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo, là trừ ra nghiệp và nghiệp báo nơi khổ đế, còn lại là khổ đế.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng và nghiệp tư, là nghiệp chứ không phải nghiệp báo. Ngoài ra thì không phải nghiệp mà cũng không phải nghiệp báo.

Một thứ không phải nghiệp mà cũng không phải là nghiệp tùy chuyển, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nghiệp chứ không phải nghiệp tùy chuyển, có bốn trường hợp:

1. Nghiệp chứ không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng, còn lại là nghiệp thân-miệng, và nghiệp tư.

2. Nghiệp tùy chuyển chứ không phải nghiệp, là thọ ấm - tưởng ấm - thức ấm. Như tư không tiếp nhận nghiệp tùy chuyển nơi hành ấm.

3. Nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân-miệng.

4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra nghiệp và nghiệp tùy chuyển nơi khổ đế, còn lại là khổ đế.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế, hoặc là nghiệp nhưng không phải nghiệp tùy chuyển, có bốn trường hợp:

1. Nghiệp nhưng không phải nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tư.

2. Nghiệp tùy chuyển mà không phải là nghiệp, là thọ ấm - tưởng ấm - thức ấm. Tư không tiếp nhận nghiệp tùy chuyển nơi hành ấm.

3. Nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân - miệng.

4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất

tương ứng hành.

Một thứ không phải sắc tạo sắc, sắc không thể trông thấy, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là sắc tạo sắc, sắc không thể trông thấy, có ba trường hợp:

1. Sắc tạo sắc, sắc không thể trông thấy, là tám nhập và phần ít của hai nhập.

2. Sắc tạo sắc, sắc cũng có thể trông thấy, là một nhập.

3. Không phải sắc tạo sắc, cũng không phải sắc có thể trông thấy, là một nhập và phần ít của hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng, là sắc tạo sắc, sắc không thể trông thấy. Ngoài ra là không phải sắc tạo sắc, cũng không thể trông thấy sắc.

Một thứ không phải sắc tạo sắc cũng không phải sắc có đối, ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là sắc tạo sắc mà không phải là sắc có đối, có bốn trường hợp:

1. Sắc tạo sắc mà không phải là sắc có đối, là phần ít của một nhập.

2. Sắc có đối mà không phải sắc tạo sắc là phần ít của một nhập.

3. Sắc tạo sắc cũng là sắc có đối, là chín nhập và phần ít của một nhập.

4. Không phải sắc tạo sắc cũng không phải sắc có đối, là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng, là sắc tạo sắc chứ không phải là sắc có đối. Ngoài ra là không phải sắc tạo sắc cũng không phải sắc có đối.

Hết thấy là rất sâu xa khó hiểu. Khó hiểu do rất sâu xa vi diệu.

Một thứ là thiện nhưng không phải nhân của thiện, một thứ là thiện cũng là nhân của thiện, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nhân của thiện mà không phải thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân của thiện nhưng không phải thiện, là báo sinh thiện nơi khổ đế.

2. Thiện cũng là nhân của thiện, là khổ đế thiện.

3. Không phải thiện cũng không phải nhân của thiện, là trừ ra báo sinh thiện nơi khổ đế, còn lại là vô ký và khổ đế bất thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai thứ không phải nhân của thiện, cũng không phải bất thiện. Hai

cần phân biệt: Khổ đế, hoặc là nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi khổ đế, và thân kiến-biên kiến tương ứng với khổ đế cõi Dục.

2. Bất thiện cũng không phải nhân của bất thiện, là khổ đế bất thiện.

3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân của bất thiện là trừ ra báo sinh bất thiện nơi khổ đế, trừ thân kiến-biên kiến tương ứng với khổ đế cõi Dục. Còn lại là vô ký và khổ đế thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Hai thứ không phải là vô ký, cũng không phải nhân của vô ký. Hai cần phân biệt: Khổ đế, hoặc là nhân vô ký nhưng không phải vô ký, có ba trường hợp:

1. Nhân vô ký nhưng không phải vô ký, là khổ đế bất thiện.

2. Vô ký cũng là nhân vô ký, là khổ đế vô ký.

3. Không phải vô ký cũng không phải nhân của vô ký, là khổ đế thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Một thứ không phải nhân duyên duyên hợp, không phải có nhân. Ba thứ là nhân duyên duyên hợp và có nhân.

Một thứ không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp. Ba cần phân biệt: Khổ đế hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là tâm và tâm pháp của khổ đế sẽ dấy khởi nơi hiện tiền - vị lai, là mạng sống tối hậu của tâm-tâm pháp nơi khổ đế của bậc A-la-hán ở quá khứ và hiện tại, và chánh thọ vô tướng - chánh thọ diệt tận, đã khởi - sẽ khởi.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra mạng sống tối hậu nơi tâm-tâm pháp khổ đế của A-la-hán ở quá khứ-hiện tại. Còn lại là tâm-tâm pháp nơi khổ đế ở quá khứ-hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra tâm-tâm pháp nơi khổ đế sẽ dấy khởi ở hiện tiền - vị lai. Còn lại là tâm-tâm pháp nơi khổ đế ở vị lai. Trừ ra thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành và sắc.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là tâm và

tâm pháp nơi đạo đế sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là tâm-tâm pháp nơi đạo đế ở quá khứ-hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra tâm-tâm pháp nơi đạo đế sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, còn lại là tâm-tâm pháp nơi đạo đế ở vị lai, và nghiệp thân-miệng, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành.

Một thứ là duyên của duyên duyên hợp mà không có duyên, ba cần phân biệt: Khổ đế tiếp nhận sắc- tâm bất tương ưng hành, duyên của duyên duyên hợp chứ không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên hợp và có duyên.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Đạo đế tiếp nhận nghiệp thân-miệng, duyên của duyên duyên hợp chứ không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên hợp cũng có duyên.

Ba là tăng thượng duyên duyên hợp và có tăng thượng, một là tăng thượng duyên duyên hợp chứ không phải có tăng thượng,

Hai thứ không phải lưu mà không phải tùy lưu, hai cần phân biệt: Khổ đế hoặc là lưu mà cũng là tùy lưu, hoặc là tùy lưu mà không phải lưu. Lưu cũng là tùy lưu, là bốn lưu; còn lại là tùy lưu chứ không phải lưu.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

